

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 21-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị M Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ **Cao Minh Q**, sinh năm 1959, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L (đã chết) và bà Văn Thị X; vợ là Nguyễn Thị Đ; con: có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Phạm Hoàng M**, sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Trần Thị G; vợ là Lê Thị KN; con: có 01 người sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Trần Hoàng D**, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố V, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh

Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Trần Thị Ph (đã chết); vợ là Võ Thị Th (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4/ **Lương Thị Thúy K**, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố V, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; chồng là Nguyễn Văn I; con: có 01 người sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5/ **Võ Thị S**, sinh năm 1956, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L1 (đã chết) và bà Lương Thị T1 (đã chết); chồng là Phạm Văn Ngh (đã chết); con: không có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6/ **Nguyễn VD**, sinh năm 1960, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố O, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Trần Thị Kh (đã chết); vợ là Lê Thị C; con: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/8/2015 bị Công an huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Cá cược đá gà được thua bằng tiền”, đã nộp phạt ngày 26-8-2015; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7/ **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1975, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố O, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: khu phố GT, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị PH; vợ là Lê Thị T5; con: có 01 người sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn VD:** ông Phạm TĐ – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963; cư trú tại: khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị C, sinh năm 1957; cư trú tại: khu phố O, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15-6-2022, tại quán cà phê Cây Xoài thuộc khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do Cao Minh Q làm chủ, Công an phường LH kiểm tra phát hiện Q đang cùng với Phạm Hoàng M, Võ Thị S, Nguyễn VD, Nguyễn Tấn Đ, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức bài xập xám. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.300.000 đồng, thu giữ trên người các bị can số tiền 5.660.000 đồng, 01 bộ bài tây 52 lá và các đồ vật khác có liên quan.

Qua điều tra thể hiện: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15-6-2022, tại quán cà phê Cây Xoài, Võ Thị S rủ Cao Minh Q, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn VD, Trần Hoàng D và Lương Thị Thúy K đánh bạc thì cả nhóm đồng ý. Lúc này, Q nhờ Cao QT (con ruột của Q) đi mua 07 bộ bài tây loại 52 lá và Q đi ra phía sau nhà chuẩn bị một tấm vải đặt dưới nền gạch để chơi đánh bạc. Quá trình chơi đánh bạc gồm có 04 tụ: Tụ bài của Q; tụ bài của S; tụ bài của Đ và VD; tụ bài của D và K, mỗi tụ bài đặt cược 100.000 đồng, thắng thua trực tiếp với nhau. Khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, Q bận việc và để tiền lại cho Phạm Hoàng M thay Q đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi các bị can đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an phường LH kiểm tra, phát hiện và mời về trụ sở làm việc. Quá trình đánh bạc cụ thể như sau:

- Cao Minh Q mang theo số tiền 3.500.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua 1.200.000 đồng. Q để lại số tiền 2.300.000 đồng cho Phạm Hoàng M thay Q đánh bạc và chia theo tỷ lệ Q hai phần, M một phần. Khi bị bắt, công an thu giữ trên người Q số tiền 140.000 đồng.

- Phạm Hoàng M không mang theo tiền. Q đưa cho M số tiền 2.300.000 đồng thay Q đánh bạc và chia theo tỷ lệ Q hai phần, M một phần, kết quả thắng được số tiền 100.000 đồng. Khi bị bắt công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền của M và Q là 2.400.000 đồng.

- Trần Hoàng D và Lương Thị Thúy K chung một tụ bài. D mang theo số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, K không mang theo tiền nhưng giúp D đánh 06 ván bài và trực tiếp lấy tiền của D chung chi cho những người chơi, kết quả thắng

1.900.000 đồng. Khi bị bắt, công an thu giữ của D trên chiếu bạc số tiền 2.700.000 đồng, thu trên người số tiền 1.200.000 đồng.

- Võ Thị S mang theo số tiền 1.060.000 đồng để đánh bạc một tụ riêng, kết quả không thắng, không thua, khi bị bắt công an thu giữ trên người số tiền 1.060.000 đồng.

- Nguyễn VD và Nguyễn Tấn Đ chung một tụ bài. Đ mang theo số tiền 2.120.000 đồng, VD mang theo số tiền 3.140.000 đồng, mỗi người hùn 1.000.000 đồng để đánh bạc, thống nhất để Đ lấy ra trước 2.000.000 đồng đánh bạc, kết quả thua 800.000 đồng. Khi bị bắt, công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền của Đ và VD là 1.200.000 đồng, thu giữ trên người của Đ số tiền 120.000 đồng, VD số tiền 3.140.000 đồng.

Cáo trạng số 01/CT-VKSTrB ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Cao Minh Q, Phạm Hoàng M, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K, Võ Thị S, Nguyễn VD và Nguyễn Tấn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Cao Minh Q** từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng M** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Hoàng D** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lương Thị Thúy K** từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Thị S** từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Đ** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn VD** từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: đề nghị căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Cao Minh Q, Phạm Hoàng M, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K, Võ Thị S và Nguyễn Tấn Đ không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn VD bào chữa tại phiên tòa:

Qua Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo VD là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị xem xét việc bị cáo là người có công với cách mạng, tham gia thực hiện nghĩa vụ quốc tế là 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo tham gia đánh bạc với tính chất nhẹ và quy mô nhỏ, chưa gây thiệt hại nên đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có anh ruột là Liệt sĩ và hiện đang do bị cáo thờ cúng là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy bị cáo có tài sản là quyền sử dụng đất nhưng xét tình hình kinh tế của bị cáo VD không đảm bảo để được áp dụng hình phạt phạt tiền theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo VD hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện chấp hành án.

Bị cáo VD trình bày tranh luận: bản thân bị cáo từng tham gia cách mạng, hiện là Thương binh; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Xin Hội đồng

xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt cho bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo.

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp: hành vi phạm tội đánh bạc đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây mất tình hình trị an tại địa phương nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo có tài sản là quyền sử dụng đất và qua đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng với việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt tiền như trên là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Đ trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử: bà là vợ của bị cáo Q; bị cáo Q có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 209,4 m² đất tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 28 tại Khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà đồng ý việc kê biên tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị C trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử: bà là vợ của bị cáo VD; bị cáo VD và bà có cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 495m² đất tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12 tại khu phố O, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà đồng ý việc kê biên tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đều đã biết hành vi của mình là sai trái và rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời trình bày rõ ý kiến và yêu cầu trong vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15-6-2022, tại Khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Cao Minh Q, Phạm Hoàng M, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K, Võ Thị S, Nguyễn VD và Nguyễn Tấn Đ đã tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xập xám, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.560.000 đồng thì bị Công an kiểm tra, phát hiện.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, các bản tự khai và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của bị cáo Cao Minh Q, Phạm Hoàng M, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K, Võ Thị S, Nguyễn VD và Nguyễn Tấn Đ đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đều ý thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, khi quyết định hình phạt cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo VD là thương binh loại A, thương tật hạng 3/4 thuộc trường hợp người có công với cách mạng; bị cáo có anh ruột là Liệt sĩ và hiện đang thờ cúng Liệt sĩ nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng:

Đối với bị cáo Q: bị cáo là người chuẩn bị dụng cụ cũng như sử dụng quán nước của bị cáo cùng với các bị cáo khác tham gia đánh bạc và bị cáo là người tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính.

Đối với bị cáo M: trong vụ án này, bị cáo tham gia đánh bạc chung tụ với bị cáo Q, bị cáo không mang theo tiền mà sử dụng tiền của bị cáo Q để trực tiếp tham gia đánh bạc và có số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn bị cáo Q nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo Q.

Đối với bị cáo D và K: các bị cáo tham gia đánh bạc chung một tụ bài và sử dụng tiền của bị cáo D để đánh bạc; tuy bị cáo K không mang theo tiền nhưng bị cáo đã giúp bị cáo D đánh 06 ván bài và sử dụng tiền của D để chung chi cho những người chơi; đối với các ván bài còn lại do bị cáo D trực tiếp tham gia và chung chi với người chơi. Do đó, bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo K.

Đối với bị cáo S: bị cáo là người rủ rê các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc nhưng bị cáo là người cao tuổi và có số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn các bị cáo Q, M, D nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo này.

Đối với bị cáo Đ và bị cáo VD: các bị cáo tham gia chung một tụ bài và hùn số tiền bằng nhau để tham gia đánh bạc; trong đó bị cáo Đ đã trực tiếp sử dụng tiền của bị cáo để đánh bạc và cho bị cáo VD mượn tiền để bị cáo và bị cáo VD cùng tham gia đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đều có nơi cư trú rõ ràng. Riêng bị cáo VD tuy có 01 tiền sự nhưng đã thi hành xong và đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo VD và bị cáo Q hiện tại đã lớn tuổi và có tài sản là quyền sử dụng đất, đang bị kê biên nên áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với các bị cáo M, D, K, S và Đ: qua đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội nên chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Do các bị cáo không có tài sản, không có công việc ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Đối với bị cáo Q và bị cáo VD tuy có tài sản nhưng đã bị xử phạt hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo còn lại, qua điều tra, xác

M các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với Cao QT không biết Cao Minh Q nhờ mua bài để đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền nên không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Đối với số tiền 11.960.000 (mười một triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam, trong đó bao gồm: 9.560.000 (chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Riêng số tiền 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng còn lại, trong đó bao gồm: 140.000 (một trăm bốn mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Q; 2.140.000 (hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo VD và 120.000 (một trăm hai mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Đ không được sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng và 01 (một) tấm vải màu xanh, kích thước (1m58 x 1m36) là công cụ dùng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 1: 353793101879255, số Imei 2: 353794101879253/01 thu giữ của bị cáo VD, không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về kê biên tài sản: áp dụng Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Lệnh kê biên tài sản số 09/LKB ngày 22-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi bị cáo Cao Minh Q thi hành xong các khoản tiền của bản án theo quy định của pháp luật.

Lệnh kê biên tài sản số 10/LKB ngày 22-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi bị cáo Nguyễn VD thi hành xong các khoản tiền của bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo VD: khi xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo VD, Hội đồng xét xử đã xem xét khách quan, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đánh giá toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo VD trình bày bị cáo có điều kiện khó khăn, không đồng ý phạt tiền nhưng qua kết quả điều tra, xác M thể hiện bị cáo có tài sản là quyền sử dụng đất. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của bị cáo VD và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo VD.

[11] Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao Minh Q** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng M** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường LH nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng D** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường LH nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Thị Thúy K 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường LH nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị S 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường LH trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường LH nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Đ 01** (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường G trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường G nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn VD** 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

2. Xử lý vật chứng: căn cứ vào các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

2.1. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 9.560.000 (chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam.

2.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng;
- 01 (một) tấm vải màu xanh, kích thước (1m58 x 1m36).

2.3. Trả lại tài sản không liên quan đến việc thực hiện tội phạm:

Trả cho bị cáo Cao Minh Q số tiền 140.000 (một trăm bốn mươi nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ số tiền 120.000 (một trăm hai mươi nghìn) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả cho bị cáo Nguyễn VD số tiền 2.140.000 (hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 1: 353793101879255, số Imei 2: 353794101879253/01 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về kê biên tài sản: áp dụng Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Lệnh kê biên tài sản số 09/LKB ngày 22-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi bị cáo Cao Minh Q thi hành xong các khoản tiền của bản án theo quy định của pháp luật. Tài sản kê biên là quyền sử dụng đất diện tích 209,4m² đất tại thửa đất số 430, tờ bản đồ số 28 tại khu phố L, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền

với đất số AN 548291 ngày 03-12-2008 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh cấp, ông Cao Minh Q đứng tên.

Lệnh kê biên tài sản số 10/LKB ngày 22-11-2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi bị cáo Nguyễn VD thi hành xong các khoản tiền của bản án theo quy định của pháp luật. Tài sản kê biên là quyền sử dụng đất diện tích 495m² đất tại thửa đất số 438, tờ bản đồ số 12 tại khu phố O, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 331010 ngày 13-6-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, ông Nguyễn VD và bà Lê Thị C đứng tên.

4. Án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Cao Minh Q, Phạm Hoàng M, Trần Hoàng D, Lương Thị Thúy K, Võ Thị S, Nguyễn VD và Nguyễn Tấn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường LH;
- Ủy ban nhân dân phường G;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị M Thư